

Bản án số: 10/2021/DS-ST

Ngày: 13-01-2021

“V/v hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương

- *Hội thẩm nhân dân:* Ông Lý Khắc Chung

Bà Nguyễn Thị Thu Sương

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Kim Yên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa:***
Bà Lê Thị Kim Trang – kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 178/2020/TLST-DS, ngày 13 tháng 7 năm 2020 về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 226/2020/QĐST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2020 và thông báo mở lại phiên tòa số 46/TB-TA ngày 29/12/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* ông Trần Ngọc P, sinh năm 1982, nơi cư trú: ấp BC, xã BL, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Có mặt

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn Q, sinh năm 1984, nơi cư trú: ấp TL, xã VTT, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 6 năm 2020 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn ông Trần Ngọc P trình bày:*

Do từng là khách hàng cũ nên có mối quan hệ quen biết nên vào ngày 03/02/2019, ông có cho ông Q vay số tiền 270.000.000 đồng nhằm mục đích trả nợ vay của ngân hàng và tiêu dùng cá nhân. Việc vay được lập thành biên nhận, biên nhận do ông viết và ông Q ký tên, thỏa thuận lãi suất vay là 5%/tháng, thời hạn vay là 01 tháng (03/2/2019 – 03/3/2019). Sau khi ông giao tiền vay cho ông Q thì ông Q không thực hiện nghĩa vụ trả vốn vay hay tiền lãi cho ông dù ông đã nhiều lần

nhắc nhở. Do đó nay ông khởi kiện yêu cầu ông Q trả cho ông số tiền 270.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 03/02/2019 với mức lãi suất 10%/năm cho đến khi thanh toán dứt số tiền nợ.

Việc ông lập biên nhận và giao số tiền 270.000.000 đồng là tại nhà ông Q, lúc này tại nhà có ông Q, ba và anh của ông Q chứng kiến. Số tiền 270.000.000 đồng này ông giao 01 lần và giao trực tiếp cho ông Q.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Văn Q trình bày:

Ông xác định ông không có vay tiền của ông P và không có nhận tiền của ông P, đối với yêu cầu khởi kiện của ông P về việc yêu cầu ông trả số tiền 270.000.000 đồng và tiền lãi là ông không đồng ý. Ông chỉ vay trong ngân hàng chứ không có vay cá nhân ông P như ông P trình bày, ông và ông P chỉ có mối quan hệ là nhân viên ngân hàng và khách hàng, ngoài ra không có mối quan hệ nào khác và cũng không có mâu thuẫn gì với nhau.

Đối với biên nhận ngày 03/02/2019 thì ông không biết ở đâu mà ông P có, ông xác định ông không có ký tên vào biên nhận nợ ngày 03/02/2019 mà ông P nộp cho Tòa.

Ông xác định chữ ký trong biên nhận nợ là không phải chữ ký của ông vì chữ ký của ông không được đẹp như vậy, tuy nhiên ông không yêu cầu trưng cầu giám định đối với chữ ký tại biên nhận nợ và ông cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh đây không phải là chữ ký của ông.

- Kết luận giám định số 91/KLGT-PC09 ngày 02/11/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - công an tỉnh An Giang:

“V. Kết luận về đối tượng giám định:

5.1 Chữ ký mang tên Lê Văn Q dưới mục “Người vay” trên biên nhận nợ ngày 03/02/2019 (ký hiệu A) so với chữ ký của Lê Văn Q trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1 đến M10) do cùng một người ký ra.

5.2 Không đủ cơ sở kết luận chữ ký mang tên Lê Văn Q dưới mục “Người vay” trên biên nhận nợ ngày 03/02/2019 (ký hiệu A) so với chữ ký của Lê Văn Q trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M11) có phải do cùng một người ký ra hay không.

5.3 Chữ viết tên Lê Văn Q dưới mục “Người vay” trên Biên nhận nợ ngày 03/02/2019 (ký hiệu A) so với chữ viết của Lê Văn Q trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1 đến M11) do cùng một người viết ra.”

- Tại phiên tòa:

Nguyên đơn: xác định giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc ông Q trả cho ông số tiền 270.000.000 đồng (hai trăm bảy mươi triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày vay – ngày 03/02/2019 – cho đến ngày xét xử với mức lãi suất 10%/năm. Đồng ý khấu trừ 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng) tiền lãi đã nhận.

Bị đơn: ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện, ông xác định ông không có vay tiền của ông P. Đối với kết luận giám định ông yêu cầu xem xét tại mục 5.2

của kết luận để giải quyết vụ án. Về tiền lãi 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng) ông không có vay nên ông không đồng ý tính lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và đương sự đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Q có nghĩa vụ trả cho ông P tiền vốn vay 270.000.000 đồng (hai trăm bảy mươi triệu đồng) và tiền lãi từ ngày 03/02/2019 cho đến ngày xét xử với mức lãi suất 10%/năm, khấu trừ 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng) tiền lãi đã nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ông P khởi kiện về hợp đồng vay tài sản đối với ông Q có địa chỉ cư trú tại huyện Châu Phú nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo qui định tại Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về nội dung giải quyết vụ án:*

[2.1] Ông P căn cứ vào biên nhận nợ ngày 03/02/2019, khởi kiện yêu cầu ông Q về hợp đồng vay tài sản đối với số tiền vốn vay là 270.000.000 đồng. Ông Q không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông P, phủ nhận chữ ký trong biên nhận ngày 03/02/2019 mà ông P cung cấp và ông yêu cầu trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của ông trong biên nhận.

[2.2] Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và khoản 1 Điều 103 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định đối với trường hợp ông Q phản đối yêu cầu của ông P thì ông Q phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó, trường hợp ông Q cho rằng biên nhận nợ ngày 03/02/2019, cụ thể là chữ ký của ông tại biên nhận là giả mạo thì ông có quyền yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định đối với chữ ký.

[2.3] Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay, ông Q vẫn phủ nhận đối với biên nhận nợ này và cho rằng chữ ký trên biên nhận nợ không phải là chữ ký của ông. Tuy nhiên theo kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang kết luận, cụ thể tại mục 5.1 và 5.2 của phần kết luận về đối tượng giám định: chữ ký dưới mục “người vay” và chữ viết “Lê Văn Q” tại biên nhận nợ ngày 03/02/2019 so với chữ ký, chữ viết trong các mẫu so sánh là do cùng một người viết ra. Ông Q yêu cầu Hội đồng xét xử căn cứ vào kết luận tại mục 5.2 để xác định không phải chữ ký của ông, xét thấy kết luận tại mục 5.2 là không đủ cơ sở kết luận, không phải kết luận không do cùng một người viết ra, do đó không hề mâu thuẫn với kết luận tại mục 5.1. Đồng thời ngoài mẫu so sánh đối chiếu tại mẫu M11 thì còn nhiều tài liệu để đối chiếu so sánh khi trưng cầu giám định như từ mẫu M01 – M10, trong những mẫu này có nhiều ký của ông Q đủ để Phòng kỹ

thuật hình sự công an tỉnh An Giang kết luận. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào nội dung tại mục 5.1 và mục 5.3 của kết luận, xác định biên nhận nợ ngày 03/02/2019 là chứng cứ có giá trị chứng minh được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Theo biên nhận nợ ngày 03/02/2019 có chữ ký của người vay là Lê Văn Q, nội dung biên nhận thể hiện biên nhận được lập tại nhà của ông Lê Văn Q vào lúc 10 giờ 15 phút ngày 03/02/2019, theo đó ông P cho ông Q vay số tiền 270.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 tháng (từ ngày 03/02/2019 – ngày 03/3/2019), lãi suất 5%/tháng. Hội đồng xét xử căn cứ vào biên nhận nợ ngày 03/02/2019 và kết luận giám định số 91/KLGD-PC09 ngày 02/11/2020, xét thấy đã có đủ cơ sở để xác định giữa ông P và ông Q có xác lập giao dịch hợp đồng vay tài sản, việc giao dịch này phù hợp với qui định pháp luật. Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, ông Q đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với hợp đồng vay qui định tại Điều 466 Bộ luật dân sự do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P là có cơ sở, buộc ông Q có nghĩa vụ trả cho ông P số tiền vốn vay là 270.000.000 đồng (hai trăm bảy mươi triệu đồng).

[2.5] Về tiền lãi: Theo biên nhận nợ thể hiện đây là hợp đồng vay có lãi, nay ông P yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 03/02/2019 cho đến ngày xét xử (ngày 13/01/2021) với mức lãi suất 10%/năm. Căn cứ vào khoản 5 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự thì yêu cầu tính lãi của ông P là có cơ sở do đó được Hội đồng xét xử chấp nhận, cụ thể: $270.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 01 \text{ năm } 11 \text{ tháng } 10 \text{ ngày} = 52.469.000 \text{ đồng}$ (năm mươi hai triệu, bốn trăm sáu mươi chín ngàn đồng).

[2.6] Tại phiên toà hôm nay, ông P đồng ý khấu trừ 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng) ông Q đã đóng lãi. Tuy ông Q không đồng ý với lời trình bày của ông P và không đồng ý việc khấu trừ nhưng việc khấu trừ này là có lợi cho phía bị đơn là ông Q do đó Hội đồng xét xử chấp nhận. Như vậy tiền lãi ông Q còn phải trả cho ông P là: $52.469.000 \text{ đồng} - 12.000.000 \text{ đồng} = 40.469.000 \text{ đồng}$ (Bốn mươi triệu, bốn trăm sáu mươi chín ngàn đồng).

[2.7] Như vậy, tổng số tiền ông Q có nghĩa vụ trả cho ông P là: $270.000.000 \text{ đồng} + 40.469.000 \text{ đồng} = 310.469.000 \text{ đồng}$ (ba trăm mười triệu, bốn trăm sáu mươi chín ngàn đồng)

[2.8] Về chi phí trưng cầu giám định: ông Q phải chịu 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) chi phí trưng cầu giám định. Ông Q đã nộp đủ.

[2.9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của ông P được chấp nhận do đó ông P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông P tạm ứng án phí đã nộp. Ông Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 266, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ vào Khoản 5 Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Ngọc P. Buộc ông Lê Văn Q có nghĩa vụ trả cho ông Trần Ngọc P số tiền 310.469.000 đồng (ba trăm mười triệu, bốn trăm sáu mươi chín ngàn đồng), trong đó tiền vốn vay là 270.000.000 đồng (hai trăm bảy mươi triệu đồng) và tiền lãi là 40.469.000 đồng (bốn mươi triệu, bốn trăm sáu mươi chín ngàn đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về chi phí trưng cầu giám định: ông Lê Văn Q phải chịu 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) chi phí trưng cầu giám định, ông Q đã nộp đủ.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Văn Q phải chịu 15.523.500 đồng (mười lăm triệu, năm trăm hai mươi ba ngàn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông Trần Ngọc P số tiền 6.750.000 đồng (sáu triệu, bảy trăm năm mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003510 ngày 13/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

Ông Trần Ngọc P, ông Lê Văn Q được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú;
- Lưu; hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Cẩm Hương